

ĐAI ỐC SÁU CẠNH
(Nửa tinh)

Kích thước

Гайки шестигранные
(нормальной точности)
Гайки

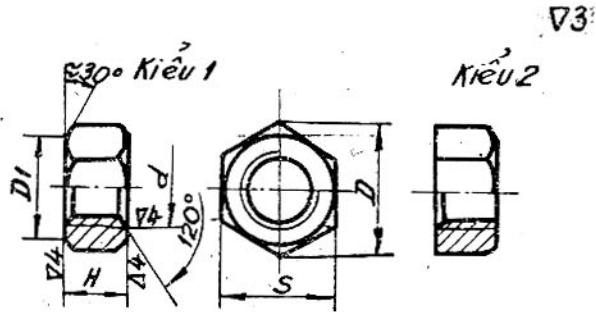
Hexagon nuts
(Standard precision)
Dimensions

TCVN
1897 - 76

Có hiệu lực
từ 1-1-1979

TCVN 1897 - 76 được ban hành để thay thế cho TCVN 108 - 63

1. Kết cấu và kích thước của đai ốc phải theo những chỉ dẫn ở hình vẽ bên.



$$D_1 = (0,9 \div 0,95) S$$

mm

Đường kính danh nghĩa của ren	6	8	10	12	(14)	16	(18)	20	(22)	24	(27)	30	36	42	48	
Bước ren	lớn	1	1,25	1,5	1,75	2	2	2,5	2,5	2,5	3	3	3,5	4	4,5	5
	nhỏ	—	1	1,25	1,25	1,5	1,5	1,5	1,5	1,9	2	2	2	3	3	3
S (sai lệch giới hạn theo B8, khi S ≤ 30mm, B9 khi S > 30mm)	10	13	17	19	22	24	27	30	32	36	41	46	55	65	75	
D, không nhỏ hơn	10,9	14,2	10,7	20,9	24,3	26,5	29,9	33,3	35,0	39,6	45,2	50,9	60,8	72,1	83,4	
H, (sai lệch giới hạn theo B10)	5	6,5	8	10	11	13	15	18	18	19	22	24	29	34	38	
Độ lệch trục giới hạn của lỗ so với các cạnh	0,40	0,45	0,45	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	0,70	0,70	0,70	0,70	0,80	0,80	0,80	

Chú thích: Không nên dùng những đai ốc có kích thước trong dấu ngoặc

Vi dụ kỹ hiệu quy ước của đai ốc kiểu 1, đường kính ren $d = 12mm$, ren bước lớn có miền dung sai 7H, cấp bền 5, không lớp phủ:

Đai ốc M12.5 TCVN 1897 - 76

Tương tự cho đai ốc kiểu 2, ren bước nhỏ có miền dung sai 6H, cấp bền 12, làm bằng thép 40X, có lớp phủ 01, dày $6\mu m$

Đai ốc SM22X 1,25.6H.12.40X.010 TCVN 1897 - 76

2. Ren theo TCVN 2248 - 77, miền dung sai 7H hay 6H theo TCVN 1917 - 76

3. Theo sự thỏa thuận giữa khách hàng và cơ sở sản xuất cho phép chế tạo đai ốc có miền dung sai 4H5H, 6G và 7G.

4. Yêu cầu kỹ thuật theo TCVN 1916 - 76

5. Khối lượng của đai ốc cho trong phụ lục.

Khối lượng đai ốc thép (kiểu I) có ren bước lớn

Đường kính danh nghĩa của ren d , <i>mm</i>	Khối lượng 1000 chiếc đai ốc <i>kg</i>
6	2,411
8	5,130
10	11,370
12	15,400
14	24,480
16	33,170
18	47,030
20	62,600
22	76,770
	107,000
27	161,400
30	224,500
36	376,900
42	623,880
48	956,200